THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG ANH Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*ĐỖ QUYÊN PHƯƠNG1,\*, PHAN MINH TIẾN2,\*\**

*1Trường Cao đẳng nghề TP Hồ Chí Minh Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế*

*\*Email:* [*quyenphuong0206@gmail.com*](mailto:quyenphuong0206@gmail.com)

*\*\*Email:* [*phanminhtien@dhsphue.edu.vn*](mailto:phanminhtien@dhsphue.edu.vn)

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày kết quả khảo sát 30 CBQL (Ban Giám Hiệu, Trưởng khoa, Trưởng phòng, tổ trưởng tổ tiếng Anh); 30 GV dạy môn tiếng Anh và 250 SV của 5 trường cao đẳng nghề tại TP.HCM về thực trạng quản lý hoạt động dạy học (HĐDH) môn tiếng Anh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đa số CBQL, GV và SV đã nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý HĐDH môn tiếng Anh ở các trường cao đẳng nghề; các nội dung, chương trình, kế hoạch, phương pháp dạy học bộ môn…được thực hiện khá tốt. Tuy vậy, vẫn còn nhiều hạn chế trong việc tổ chức HĐDH, hiệu quả dạy học chưa cao. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh ở các trường cao đẳng nghề tại TP.HCM.

**Từ khóa:** Quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh; trường cao đẳng nghề

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, chất lượng quản lý hoạt động dạy học (HĐDH) môn tiếng Anh ở các trường cao đẳng nghề (CĐN) tại thành phồ Hồ Chí Minh (TP.HCM) chưa được nâng cao, việc tổ chức HĐDH vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Có nhiều nguyên nhân, trong đó, công tác quản lý HĐDH là một trong những nguyên nhân cơ bản. Vì vậy, việc nghiên cứu nhằm đánh giá đúng thực trạng quản lý HĐDH môn tiếng Anh, xác lập được các biện pháp quản lý HĐDH một cách khoa học, phù hợp và đặc điểm của nhà trường và địa phương sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn tiếng Anh ở các trường CĐN tại TP.HCM, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

1. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

*Khách thể nghiên cứu:* Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của 30 cán bộ quản lý (CBQL) (Ban Giám Hiệu, Trưởng khoa, Trưởng phòng, tổ trưởng tổ tiếng Anh); 30 giảng viên (GV) giảng dạy môn tiếng Anh và 250 sinh viên (SV) của 5 trường CĐN tại TP.HCM.

*Phương pháp nghiên cứu:* Chúng tôi sử dụng các phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp thống kê toán học với phần mềm Excel.

1. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

# Thực trạng hoạt động dạy học môn tiếng Anh ở các trường CĐN tại TP.HCM

## *Thực trạng nhận thức của CBQL, GV, SV về vai trò môn tiếng Anh ở các trường CĐN* tại TP.HCM

Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế ISSN 1859-1612, Số 4(56)A/2020: tr.218-226

Ngày nhận bài: 25/07/2020; Hoàn thành phản biện: 04/08/2020; Ngày nhận đăng: 26/08/2020

Quá trình giảng dạy các học phần tiếng Anh cho SV tại các trường CĐN giúp SV nắm vững những kiến thức cơ bản, kỹ năng học tiếng Anh. Khi SV đã có hệ thống khối lượng kiến thức và phương pháp học tiếng Anh, GV cần giúp SV phát triển khẩu ngữ thông qua các kỹ năng và sử dụng chính ngôn ngữ đó để phát triển, để giao tiếp giúp SV có thể vững vàng trong công việc sau này và đáp ứng các yêu cầu được đặt ra. Xác định được điều đó, chúng tôi đã khảo sát thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động dạy học môn tiếng Anh ở các trường. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. *Kết quả khảo sát nhận thức của CBQL, GV và SV về tầm quan trọng của hoạt động dạy học môn tiếng Anh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mức độ** | **CBQL** | | **Giảng viên** | | **Sinh viên** | | **Tổng** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| 1 | Rất quan trọng | 23 | 76.7 | 15 | 50 | 118 | 47.2 | 156 | 50.3 |
| 2 | Quan trọng | 7 | 23.3 | 14 | 46.7 | 102 | 40.8 | 123 | 39.7 |
| 3 | Ít quan trọng | 0 | 0 | 1 | 3.33 | 11 | 4.4 | 12 | 3.87 |
| 4 | Không quan trọng | 0 | 0 | 0 | 0 | 19 | 7.6 | 19 | 6.13 |

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, đa số CBQL và giảng viên có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của HĐDH môn tiếng Anh. Tỷ lệ lựa chọn ở mức độ quan trọng và rất quan trọng chiếm rất cao: 100% đối với CBQL và 96.7% đối với giảng viên. Tuy nhiên, có 01 GV nhận thức cho rằng HĐDH là ít quan trọng, chiếm 3.33%.

Phần lớn SV có nhận thức cao về tầm quan trọng của HĐDH tiếng Anh, chiếm tỷ lệ 88% trên tổng số đánh giá (47.2% đánh giá là rất quan trọng và 40.8% đánh giá là quan trọng). Điều đó thể hiện được ý thức và vai trò quan trọng của việc đào tạo tiếng Anh trong quá trình đào tạo bậc học CĐN của sinh viên. Chỉ có một bộ phận nhỏ SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy học tiếng Anh (4.4% cho là ít quan trọng và 7.6% cho là không quan trọng).

Nhà trường đã xác định giảng dạy các học phần tiếng Anh cho SV là hoạt động nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh cho tất cả SV, phục vụ đắc lực cho quá trình sử dụng tiếng Anh cho việc học chuyên ngành và các yêu cầu sử dụng tiếng Anh ngoài xã hội sau này. Vì vậy cần phải quan tâm đúng mức và đầu tư tương xứng để đáp ứng nhu cầu đào tạo tập trung ngày càng được nâng cao.

## *Thực trạng thực hiện kế hoạch, nội dung chương trình môn tiếng Anh*

Nội dung, chương trình đào tạo là vấn đề mà nhà trường tập trung nhiều nhất trong quá trình thực hiện biên soạn và triển khai giảng dạy. Hội đồng chuyên môn nhà trường đã xây dựng một chương trình học chuyển đổi linh hoạt giữa khối lượng giảng dạy trên lớp và tự học tùy theo từng giai đoạn, nhằm khai thác triệt để thời gian học ở nhà của SV. Trong giáo trình chính có phân chia đầy đủ và rõ ràng phần dạy trên lớp và phần tự học ở nhà. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát thực trạng thực hiện kế hoach, nội dung, chương trình môn tiếng Anh. Kết quả thể hiện ở bảng 2.

Kết quả Bảng 2 cho thấy, GV đã thực hiện khá tốt ba nội dung 1, 2, 3 với ĐTB lần lượt là 3.55, 3.73, 3.82. Việc có đầy đủ sổ sách và chuẩn bị bài giảng trước khi lên lớp của GV, dù được thực hiện khá tốt, song lại hạn chế nhất trong số 4 nội dung được khảo sát (ĐTB=3.23). Nói cách khác, GV chưa chuẩn bị tốt hồ sơ, sổ sách, chưa có sự đầu tư, chuẩn bị bài giảng kỹ càng khi lên

lớp. Vì vậy, CBQL, tổ trưởng chuyên môn cần có sự theo dõi, động viên, đôn đốc GV để khắc phục tình trạng này.

Bảng 2. *Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện kế hoạch, nội dung chương trình môn tiếng Anh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ thực hiện (SL/%)** | | | | **ĐTB** | **ĐLC** |
| **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| 1 | Giảng viên nắm vững mục tiêu, nội  dung chương trình | 41 | 11 | 8 | 0 | 3.55 | 0.30 |
| 68.33 | 18.33 | 13.33 | 0.00 |
| 2 | Giảng viên có kế hoạch bài dạy tuần,  tháng, học kì và ký duyệt đầy đủ | 48 | 8 | 4 | 0 | 3.73 | 0.37 |
| 80.00 | 13.33 | 6.67 | 0.00 |
| 3 | Giảng viên giảng dạy theo đúng  chương trình và thời khóa biểu | 50 | 9 | 1 | 0 | 3.82 | 0.39 |
| 83.33 | 15.00 | 1.67 | 0.00 |
| 4 | Giảng viên có đầy đủ sổ sách chuẩn  bị bài giảng trước khi lên lớp | 30 | 14 | 16 | 0 | 3.23 | 0.20 |
| 50.00 | 23.33 | 26.67 | 0.00 |
| *Trung bình chung* | | | | | | *3.58* |  |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1≤ĐTB≤4*

## *Thực trạng về hình thức, phương pháp dạy học môn tiếng Anh*

Bảng 3*. Kết quả khảo sát thực trạng về hình thức, phương pháp dạy học môn tiếng Anh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ thực hiện (SL/%)** | | | | **ĐTB** | **ĐLC** |
| **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| 1 | Giảng viên sử dụng nhiều hình thức  hướng dẫn sinh viên cách học, nội dung học tập để đạt được mục tiêu dạy học | 38 | 6 | 10 | 6 | 3.27 | 0.26 |
| 63.33 | 10.00 | 16.67 | 10.00 |
| 2 | Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực để hướng dẫn sinh viên  tham gia vào quá trình học tập | 28 | 20 | 10 | 2 | 3.23 | 0.19 |
| 46.67 | 33.33 | 16.67 | 3.33 |
| 3 | Giảng viên sử dụng tốt và hiệu quả các phương tiện dạy và học | 24 | 13 | 9 | 14 | 2.78 | 0.11 |
| 40.00 | 21.67 | 15.00 | 23.33 |
| 4 | Sinh viên lôi cuốn và tham gia tích cực vào quá trình chiếm lĩnh tri thức | 25 | 12 | 8 | 15 | 2.78 | 0.12 |
| 41.67 | 20.00 | 13.33 | 25.00 |
| *Trung bình chung* | | | | | | *3.02* |  |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1≤ĐTB≤4*

Kết quả Bảng 3 cho thấy, nội dung được đánh giá có mức độ thực hiện tốt nhất là GV sử dụng nhiều hình thức hướng dẫn SV cách học, nội dung học tập để đạt được mục tiêu dạy học (ĐTB= 3.27) (nội dung 1). Các nội dung 3, 4 chỉ đạt mức trung bình (ĐTB = 2.78), cho thấy rằng GV chưa thực sự sử dụng tốt và hiệu quả các phương tiện dạy và học hoặc còn bị động, chưa linh hoạt, đầu tư chuẩn bị bài giảng dẫn đến SV chưa phát huy được tính tích cực hay lôi cuốn SV vào các hoạt động dạy học.

## *Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn tiếng Anh*

Kết quả ở Bảng 4 cho thấy, nội dung 1 và 4 được đánh giá ở mức độ tốt nhất trong số 4 nội dung được khảo sát, với ĐTB = 3.38, ở mức khá tốt. Việc kiểm tra, đánh giá thường xuyên, toàn diện được đánh giá ở mức thấp nhất, tuy vẫn có ĐTB đạt mức khá (ĐTB = 3.18). Kết quả điều

tra còn cho thấy, GV chưa thực sự mạnh dạn đánh giá SV qua dự án, còn rập khuôn qua bài kiểm tra viết theo kế hoạch giảng dạy, trong đó đã định hướng số bài kiểm tra thường xuyên, và định kỳ. Vì vậy, GV cần mạnh dạn giúp SV chủ động sáng tạo trong bài học, điểm số đánh giá qua sản phẩm, dự án, hay việc ứng dụng CNTT trong việc trình bày nội dung học tập của mình.

Bảng 4*. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn tiếng Anh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ thực hiện (SL/%)** | | | | **ĐTB** | **ĐLC** |
| **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| 1 | Giảng viên thực hiện kiểm tra, đánh giá dựa trên chuẩn kiến thức kỹ năng, mục  tiêu nội dung môn học | 36 | 11 | 13 | 0 | 3.38 | 0.25 |
| 60.00 | 18.33 | 21.67 | 0.00 |
| 2 | Sử dụng nhiều hình thức và phương  pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên | 29 | 16 | 15 | 0 | 3.23 | 0.2 |
| 48.33 | 26.67 | 25.00 | 0.00 |
| 3 | Kiểm tra, đánh giá đảm bảo thường xuyên, toàn diện | 25 | 18 | 17 | 0 | 3.13 | 0.18 |
| 41.67 | 30.00 | 28.33 | 0.00 |
| 4 | Đánh giá sinh viên đảm bảo công bằng, khách quan, chính xác | 33 | 17 | 10 | 0 | 3.38 | 0.23 |
| 55.00 | 28.33 | 16.67 | 0.00 |
| *Trung bình chung* | | | | | | *3.28* |  |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1≤ĐTB≤4*

# Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh ở các trường CĐN tại TP.HCM

## *Thực trạng quản lý hoạt động dạy của giảng viên môn tiếng Anh*

Bảng 5. *Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động dạy của giảng viên môn tiếng Anh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ thực hiện (SL/%)** | | | | **ĐT B** | **ĐL C** |
| **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| 1 | Việc thực hiện chương trình dạy học của GV | 52 | 8 | 0 | 0 | 3.87 | 0.42 |
| 86.67 | 13.33 | 0.00 | 0.00 |
| 2 | Quản lý hồ sơ chuyên môn của GV | 48 | 12 | 0 | 0 | 3.80 | 0.38 |
| 80.00 | 20.00 | 0.00 | 0.00 |
| 3 | Đổi mới phương pháp dạy học của GV | 22 | 28 | 10 | 0 | 3.20 | 0.21 |
| 36.67 | 46.67 | 16.67 | 0.00 |
| 4 | Đảm bảo CSVC – thiết bị dạy học để phục vụ cho hoạt động giảng dạy (phòng học, projector, cassette, đồ dùng dạy học, giáo  trình, phần mềm đăng ký) | 26 | 23 | 11 | 0 | 3.25 | 0.20 |
| 43.33 | 38.33 | 18.33 | 0.00 |
| 5 | Hình thức thi kết thúc học phần (Trắc nghiệm, tự luận) | 51 | 9 | 0 | 0 | 3.85 | 0.41 |
| 85.00 | 15.00 | 0.00 | 0.00 |
| 6 | Hoạt động của tổ Ngoại ngữ | 45 | 10 | 5 | 0 | 3.67 | 0.34 |
| 75.00 | 16.67 | 8.33 | 0.00 |
| 7 | Tổ chức dự giờ, thao giảng, đánh giá và rút kinh nghiệm trong công tác quản lý hoạt  động dạy học môn tiếng Anh | 38 | 17 | 5 | 0 | 3.55 | 0.28 |
| 63.33 | 28.33 | 8.33 | 0.00 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 8 | Phối hợp với các Khoa chuyên môn trong việc triển khai, thực hiện các nội dung trong việc quản lý hoạt động dạy học môn  tiếng Anh | 22 | 23 | 15 | 0 | 3.12 | 0.18 |
| 36.67 | 38.33 | 25.00 | 0.00 |
| 9 | Tuân thủ và thực hiện các nguyên tắc trong kiểm tra, đánh giá | 35 | 25 | 0 | 0 | 3.58 | 0.30 |
| 58.33 | 41.67 | 0.00 | 0.00 |
| *Trung bình chung* | | | | | | *3.54* |  |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1≤ĐTB≤4*

Kết quả ở Bảng 5 cho thấy nhà trường đã thực hiện khá tốt các nội dung quản lý hoạt động dạy của GV môn tiếng Anh, với ĐTB = 3.54. Tuy nhiên, mức độ thực hiện của các nội dung quản lý không đồng đều nhau. Nhà trường quản lý tốt nhất là việc thực hiện chương trình dạy học của GV (ĐTB = 3.87) và hình thức thi kết thúc học phần (ĐTB = 3.85). Nội dung được quản lý chưa tốt nhất là việc phối hợp với các Khoa chuyên môn trong việc triển khai, thực hiện các nội dung trong việc quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh (ĐTB

## *Thực trạng quản lý hoạt động học môn tiếng Anh của sinh viên*

Bảng 6. *Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động học môn tiếng Anh của SV*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ thực hiện (%)** | | | | **ĐTB** | **ĐLC** |
| **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| 1 | Chuyên cần | 128 | 103 | 19 | 0 | 3.44 | 0.25 |
| 51.20 | 41.20 | 7.60 | 0.00 |
| 2 | Ý thức được tầm quan trọng của môn tiếng Anh trong thời đại ngày nay | 125 | 101 | 24 | 0 | 3.40 | 0.24 |
| 50.00 | 40.40 | 9.60 | 0.00 |
| 3 | Có ý thức, thái độ, học tập nghiêm túc | 86 | 98 | 27 | 39 | 2.92 | 0.14 |
| 34.40 | 39.20 | 10.80 | 15.60 |
| 4 | Hăng hái xây dựng bài trên lớp (hoạt  động nhóm, cá nhân) và làm đầy đủ bài tập về nhà | 121 | 98 | 27 | 4 | 3.34 | 0.22 |
| 48.40 | 39.20 | 10.80 | 1.60 |
| 5 | Có khả năng tự học và tìm ra được phương pháp học tập riêng cho môn  tiếng Anh | 90 | 99 | 24 | 37 | 2.97 | 0.15 |
| 36.00 | 39.60 | 9.60 | 14.80 |
| 6 | Tham gia vào câu lạc bộ tiếng Anh do nhà trường tổ chức | 57 | 77 | 49 | 67 | 2.50 | 0.05 |
| 22.80 | 30.80 | 19.60 | 26.80 |
| 7 | Tự tin nói tiếng Anh với người nước ngoài và thầy cô dạy học | 60 | 62 | 70 | 58 | 2.50 | 0.02 |
| 24.00 | 24.80 | 28.00 | 23.20 |
| 8 | Tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động  học của sinh viên trong quá trình học và kết thúc môn học | 89 | 107 | 25 | 29 | 3.02 | 0.17 |
| 35.60 | 42.80 | 10.00 | 11.60 |
| Trung bình chung | | | | | | 3.01 |  |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1≤ĐTB≤4*

Kết quả ở Bảng 6 cho thấy việc quản lý hoạt động học môn tiếng Anh của nhà trường được thực hiện chỉ mức khá (ĐTB = 3.01). Trong số đó, công tác quản lý chất lượng SV thông qua việc *Chuyên cần* khá thuận lợi, chiếm số điểm trung bình lớn nhất (ĐTB = 3,44). Nội dung 6, 7 có

điểm trung bình thấp nhất (ĐTB= 2,50), chỉ ở mức độ trung bình. Kết quả tìm hiểu cụ thể cho thấy SV chưa mạnh dạn tham gia vào các câu lạc bộ tiếng Anh do nhà trường tổ chức, có tâm lý thường sợ mình nói sai sẽ xấu hổ với bạn bè, thầy cô cũng như người nước ngoài; hay khả năng nghe, kỹ năng trình bày, ít vốn từ khi giao tiếp. Chính từ nguyên nhân này dẫn đến SV càng ngày càng khó tạo động lực học tập môn tiếng Anh cho chính mình. Chính vì vậy, các CBQL, GV cần tìm ra biện pháp thích hợp để có thể giúp đỡ các em lôi cuốn, thực hành một cách nghiêm túc và tích cực vào quá trình học tập môn tiếng Anh.

## *Thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn tiếng Anh*

Bảng 7. *Kết quả khảo sát thực trạng quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn tiếng Anh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ thực hiện (SL/%)** | | | | **ĐTB** | **ĐLC** |
| **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| 1 | Chỉ đạo khoa, GV thực hiện nghiêm túc quy chế kiểm tra, thi kết thúc học phần | 29 | 19 | 12 | 0 | 3.28 | 0.20 |
| 48.33 | 31.67 | 20.00 | 0.00 |
| 2 | Kiểm tra việc thực hiện quy chế kiểm tra, đánh giá, xếp loại SV | 29 | 15 | 16 | 0 | 3.22 | 0.20 |
| 48.33 | 25.00 | 26.67 | 0.00 |
| 3 | Chỉ đạo việc đổi mới về nội dung, hình thức ra đề kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần phù hợp tính vừa sức của SV | 22 | 28 | 10 | 0 | 3.20 | 0.21 |
| 36.67 | 46.67 | 16.67 | 0.00 |
| 4 | Xây dựng kế hoạch đổi mới hình thức kiểm tra và thi kết thúc học phần | 16 | 28 | 16 | 0 | 3.00 | 0.19 |
| 26.67 | 46.67 | 26.67 | 0.00 |
| 5 | Kiểm tra việc chấm bài thi kết thúc học phần của GV | 11 | 25 | 24 | 0 | 2.78 | 0.20 |
| 18.33 | 41.67 | 40.00 | 0.00 |
| 6 | Chỉ đạo kiểm tra định kỳ sổ tay GV | 27 | 33 | 0 | 0 | 3.45 | 0.29 |
| 45.00 | 55.00 | 0.00 | 0.00 |
| 7 | Tổ chức giám sát chặt chẽ kỳ thi kết thúc học phần | 23 | 32 | 5 | 0 | 3.30 | 0.25 |
| 38.33 | 53.33 | 8.33 | 0.00 |
| 8 | Phân tích kết quả học tập của SV | 11 | 19 | 21 | 9 | 2.53 | 0.10 |
| 18.33 | 31.67 | 35.00 | 15.00 |
| *Trung bình chung* | | | | | | *3.10* |  |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1≤ĐTB≤4*

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy công tác quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn tiếng Anh được thực hiện chỉ ở mức khá (ĐTB = 3.10). Trong số 8 nội dung được khảo sát, nội dung số 6, 7, 1 có mức độ thực hiện tốt nhất (với ĐTB lần lượt là 3.45, 3.30, 3.28). Công tác KT - ĐG được nhà trường tổ chức hết sức nghiêm túc, chặt chẽ như mỗi phòng thi tối đa 40 SV, đề thi bao gồm tối thiểu 02 đề để tránh tình trạng sao chép bài thi… Tuy nhiên, vẫn còn một số SV chưa nghiêm túc trong quá trình làm bài thi và một số GV trẻ, coi thi chưa thật chặt chẽ, dẫn đến chất lượng KT - ĐG đôi khi chưa đúng thực chất.

## *Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động dạy học môn tiếng Anh*

Công tác quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động dạy học môn tiếng Anh được thực hiện ở trên mức khá, với ĐTB = 3.30. Các nội dung 1, 3 được đánh giá có mức độ thực hiện tốt nhất, dù vẫn chưa đạt mức tốt, với điểm trung bình lần lượt là 3.47 và 3.38. Hầu hết các trang thiết bị

trong nhà trường đều có xây dựng nội qui sử dụng, tổ chức bồi dưỡng kỹ thuật và bảo quản. Nội dung 2, 4 được đánh giá thấp hơn với điểm trung bình lần lượt là 3.23 và 3.12.

Bảng 8. *Kết quả khảo sát thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động dạy học môn tiếng Anh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ thực hiện (SL/%)** | | | | **ĐTB** | **ĐLC** |
| **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| 1 | Xây dựng kế hoạch đầu tư CSVC, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học phù hợp với điều kiện nhà trường | 36 | 16 | 8 | 0 | 3.47 | 0.26 |
| 60.00 | 26.67 | 13.33 | 0.00 |
| 2 | Có phòng học đạt chất lượng phục vụ  việc học ngoại ngữ | 29 | 16 | 15 | 0 | 3.23 | 0.20 |
| 48.33 | 26.67 | 25.00 | 0.00 |
| 3 | Xây dựng và sử dụng các phần mềm  dạy và học môn tiếng Anh | 33 | 17 | 10 | 0 | 3.38 | 0.23 |
| 55.00 | 28.33 | 16.67 | 0.00 |
| 4 | Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tổ chức các hoạt động tiếng Anh sôi nổi và bổ ích  như: câu lạc bộ, hát, thi hùng biện... | 25 | 17 | 18 | 0 | 3.12 | 0.18 |
| 41.67 | 28.33 | 30.00 | 0.00 |
| *Trung bình chung* | | | | | | *3.30* |  |

*Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1≤ĐTB≤4*

# Thực trạng về thuận lợi, khó khăn trong dạy học môn tiếng Anh ở các trường CĐN tại TP.HCM

## *Thuận lợi*

* Nhà trường luôn luôn xem việc dạy học tiếng Anh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Nhà trường đã bố trí hoàn toàn cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, tạo điều kiện cho GV và SV có môi trường học tập tốt, tạo sự hứng thú trong giảng dạy và học tập của GV và SV. Nhà trường có đội ngũ cán bộ có trình độ cao đang từng bước chuẩn hóa, có định hướng rõ ràng trong tuyển dụng chất lượng cao để phục vụ cho công tác giảng dạy tiếng Anh hướng tới đạt chuẩn chất lượng, ngoài ra phương pháp dạy lấy người học làm trung tâm đã và đang được 100% GV thực hiện.
* Tài liệu giảng dạy đang từng bước đáp ứng chuẩn đầu ra phù hợp tất cả các học phần trong chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo tiếng Anh đều được rà soát, định kỳ tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng để phù hợp với mục tiêu đào tạo.
* Việc ứng dụng CNTT trong quản lý và trong dạy học đã được CBQL, GV, SV sử dụng một cách hiệu quả và hướng đến các hình thức dạy học trực tuyến tiên tiến. KT - ĐG, công khai kết quả học tập của SV đang hướng tới chính xác, khách quan hơn, thông qua thực hiện Ngân hàng đề thi, thi trên máy tính. Trường đang từng bước hoàn thiện CSVC về CNTT để đáp ứng hoàn toàn việc thi khảo sát, thi kết thúc và thi cấp chứng chỉ tiếng Anh trên máy tính nhằm tiết kiệm rất lớn nguồn kinh phí cho Trường.

## *Khó khăn*

* Một bộ phận SV chưa nhận thức được việc học tiếng Anh, chưa thể hiện tính tích cực, tự giác chủ động và sáng tạo trong quá trình tham gia học tiếng Anh.
* Chương trình giảng dạy không đảm bảo thời lượng tối thiểu, chương trình giảng dạy được thiết kế còn quá nặng, trong khi số tiết lên lớp quá ít, chưa chú trọng hoàn toàn vào 4 kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết.
* Thiếu các yếu tố duy trì việc sử dụng năng lực ngôn ngữ. SV chỉ xác định việc hoàn thành cấp độ và thi lấy chứng chỉ mà không quan tâm đến việc sử dụng tiếng Anh sau này.
* Tính tích cực, thái độ học tập trong quá trình học còn hạn chế. Điều này cho thấy SV còn thờ ơ, ít quan tâm, ít tìm hiểu những vấn đề liên quan về tiếng Anh, từ đó không có động cơ và hứng thú cho môn học.

1. KẾT LUẬN

Nâng cao chất lượng quản lý HĐDH môn tiếng Anh ở các trường CĐN tại TP.HCM là một yêu cầu cấn thiết hiện nay. Thực tế cho thấy, ở các trường cao đẳng nghề tại TP.HCM, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế trong việc tổ chức và quản lý HĐDH môn tiếng Anh. Vì vậy, chất lượng dạy học môn tiếng Anh chưa được nâng cao, chưa đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay [4]. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, để nâng cao chất lượng quản lý HĐDH môn tiếng Anh ở các trường CĐN tại TP.HCM, nhà trường cần thực hiện một số biện pháp như: nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản lý HĐDH tiếng Anh đối với đội ngũ CBQL, GV và SV; quản lý có hiệu quả hoạt động dạy của giảng viên môn tiếng Anh; tăng cường quản lý hoạt động học môn tiếng Anh của sinh viên; tổ chức các điều kiện hỗ trợ dạy học môn tiếng Anh. Tùy vào tình hình thực tế của từng trường CĐN và từng thời điểm cụ thể để có sự ưu tiên khác nhau đối với các biện pháp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Lao động thương binh và xã hội (2006). *Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường Cao đẳng nghề*. Hà Nội.
2. Bộ Lao động thương binh và xã hội (2016). *Điều lệ trường Cao đẳng nghề.* Hà Nội.
3. Bộ Lao động thương binh và xã hội (2009). *Quy định chương trình môn học tiếng Anh giảng dạy học sinh học nghề trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng*. Hà Nội.
4. Thủ tướng Chính phủ (2017). *Phê duyệt điều chỉnh bổ sung đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2017-2025*, được phê duyệt tại Quyết định số 2080/QĐ-TTg, ngày 22/12/2017, Hà Nội.
5. Hoàng Thị Kim Ngân (2014). *Biện pháp quản lý hoạt động dạy học tiếng Anh cho sinh viên hệ đào tạo nhiệm vụ chiến lược tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội theo chuẩn đầu ra*, Luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Hải Phương (2018). *Quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh tại các trường trung học cơ sở thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương,* Luận văn Thạc sỹ Khoa học giáo dục theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
7. Bùi Thị Triệu Phúc (2013). *Thực trạng quản lý đổi mới hoạt động giảng dạy tiếng Anh ở các trường Trung học phổ thông tại Bình Dương*, Luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
8. Trần Thị Hoàng Thanh (2011). *Biện pháp quản lý hoạt động dạy học môn tiếng Anh tại trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng,* Luận văn Thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Đà Nẵng.

**Title:** THE REALITY OF MANAGEMENT OF ENGLISH TEACHING ACTIVITIES AT VOCATIONAL COLLEGES OF HO CHI MINH CITY

**Abstract:** This paper presents results of a survey on 30 managers (School Management Board, Head of English Department); 30 English teachers and 250 students of 5 Vocational Colleges of Ho Chi Minh city on the reality of management of teaching English at Vocational Colleges. Research results show that most managers, teachers and students are aware of the importance of management of teaching English at Vocational Colleges; the implementation of the content, curriculum, plans, teaching methods of the subject is performed quite well. However, there are still many limitations in organizing teaching activities and teaching efficiency is not high. Based on these results, the article proposes a number of measures to improve the effectiveness of managing English teaching activities at Vocational Colleges.

**Keywords:** Management of English teaching activities; Vocational College.